TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 198/2026/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

***Thư ký phiên họp*:** bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 246/2026/TLST-LĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 180/2026/QĐST-VLĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990; thường trú: thôn V, xã N, tỉnh Quảng Trị; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần S1, địa chỉ: khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1993; thường trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên hệ: thôn V, xã N, tỉnh Quảng Trị; có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Tại đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H cần điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của bà H bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 7/2013 đến tháng 7/2018.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội: vào khoảng thời gian trên, bà H có cho bà Phạm Thị S mượn giấy tờ tuỳ thân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S1. Quá trình làm việc, bà S được Công ty cổ phần S1 tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7409212827. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà S mượn giấy tờ tuỳ thân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S1 là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà S có công việc để trang trải cuộc sống.

Nay, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (thực tế bà Phạm Thị S làm việc) với Công ty cổ phần S1 bị vô hiệu, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày:

Thống nhất toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (thực tế bà Phạm Thị S làm việc) với Công ty cổ phần S1 bị vô hiệu, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần S1:

Công ty cổ phần S1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Bảo hiểm xã hội Thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, số CCCD 044190005768 được Công ty cổ phần S1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị H với mã số BHXH 7409212827 từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2018 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp thất nghiệp và trợ cấp BHXH một lần.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H còn có mã số BHXH 5613002963 thể hiện quá trình tham gia BHXH từ tháng 7/2013 đến tháng 8/2022 tại Bệnh viện P và từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2026 hiện đang tham gia tại Công ty TNHH C.

Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty cổ phần S1 vô hiệu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị H, BHXH không có lưu trữ.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người yêu cầu bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S và Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu vắng mặt do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần S1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Việc bà Phạm Thị S sử dụng giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S1 vào tháng 7/2009 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H cung cấp thông tin Công ty cổ phần S1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị H với mã số BHXH 7409212827 từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2018 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp thất nghiệp và trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H còn có mã số BHXH 5613002963 thể hiện quá trình tham gia BHXH từ tháng 7/2013 đến tháng 8/2022 tại Bệnh viện P và từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2026 hiện đang tham gia tại Công ty TNHH C.

Do đó, bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (thực tế bà Phạm Thị S làm việc) với Công ty cổ phần S1 vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002,

2006 và 2007; Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty cổ phần S1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409212827) vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0034750 ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thụy